

Thụ hưởng văn hóa ở Việt Nam: Một số phát hiện từ nghiên cứu định lượng¹

Triệu Thanh Quang^(*), Lê Văn Hùng^(**),
Phạm Thu Phương^(***), Nguyễn Thị Ánh Vân^(****)

Tóm tắt: Nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân, khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển và hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền của đất nước là một trong những mục tiêu của công cuộc chấn hưng văn hóa đất nước. Nhằm cung cấp những cơ sở lý luận và thực tiễn trong việc đo lường và đánh giá thụ hưởng văn hóa, nghiên cứu này sử dụng khung đánh giá thụ hưởng văn hóa của một số quốc gia để đánh giá việc thụ hưởng văn hóa ở Việt Nam thông qua khảo sát tại một số địa phương. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù mức độ thụ hưởng văn hóa ở Việt Nam ngày càng được cải thiện, nhưng sự khác biệt giữa các nhóm dân cư trong thụ hưởng văn hóa vẫn là một thực tế cần tiếp tục được làm rõ và giải quyết.

Từ khóa: Thụ hưởng văn hóa, Đời sống văn hóa, Tiêu dùng văn hóa, Đo lường thụ hưởng văn hóa

Abstract: Improving people's cultural life and overcoming the gap in the level of development and cultural enjoyment among regions nationwide, among others, is a goal of the country's cultural revival. To provide theoretical and practical bases for measuring and evaluating cultural enjoyment, this study applies the cultural enjoyment assessment framework in a number of countries to its survey results in several localities in an attempt to evaluate cultural enjoyment in Vietnam. The research results show that although the level of cultural enjoyment in Vietnam is improving day by day, the gap between population groups in cultural enjoyment still needs further clarification and resolution.

Keywords: Cultural Enjoyment, Cultural Life, Cultural Consumption, Measuring Cultural Enjoyment

Ngày nhận bài: 16/4/2025; Ngày duyệt đăng: 25/4/2025

¹ Bài viết là sản phẩm của Nhiệm vụ cấp Bộ "Xây dựng Bộ chỉ số phát triển văn hóa tinh thần - đạo đức xã hội", thuộc Chương trình trọng điểm cấp Bộ "Xây dựng Bộ chỉ số đảm bảo an sinh quốc gia", do TS. Triệu Thanh Quang chủ nhiệm, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chủ trì, thực hiện năm 2024-2025.

(*) , (**) , (***) TS., Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: trieu thanh quang@gmail.com

(****) ThS., Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

1. Giới thiệu

Văn hóa không chỉ là nền tảng tinh thần của xã hội mà còn là mục tiêu, là sức mạnh nội sinh, là động lực quan trọng để phát triển đất nước (Nguyễn Phú Trọng, 2021). Sự thụ hưởng văn hóa, hay khả năng tiếp cận, tham gia và tận hưởng các giá trị văn hóa, là một yếu tố quan trọng phản ánh mức độ phát triển của một quốc gia. Một nền văn hóa phát triển là nền văn hóa mà mọi tầng lớp nhân dân đều có cơ hội tiếp cận và thụ hưởng các giá trị văn hóa, góp phần nâng cao chất lượng sống, gắn kết cộng đồng và thúc đẩy sáng tạo.

Tại Việt Nam, mặc dù đời sống văn hóa của người dân ngày càng được cải thiện, nhưng còn có ý kiến cho rằng mức độ thụ hưởng văn hóa vẫn tồn tại sự chênh lệch rõ rệt giữa các nhóm dân cư. Người dân ở đô thị lớn có nhiều cơ hội tiếp cận các hoạt động văn hóa phong phú như triển lãm nghệ thuật, nhà hát, rạp chiếu phim, thư viện hiện đại; trong khi đó, người dân vùng nông thôn, miền núi vẫn còn gặp nhiều hạn chế do khoảng cách địa lý, điều kiện kinh tế và cơ sở hạ tầng thiếu thốn. Đặc biệt, các nhóm yếu thế như người khuyết tật, dân tộc thiểu số, lao động nhập cư còn đối mặt với nhiều rào cản trong việc tham gia và thụ hưởng văn hóa (Phạm Thanh Giang, Lê Việt Cường, 2024).

Trước thực trạng này, ngày 24/11/2021, Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh nhiệm vụ trọng tâm là “nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân; xây dựng đời sống văn hóa vui tươi, lành mạnh, hạnh phúc; khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển và hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền của đất nước” (Nguyễn Phú Trọng, 2021).

Do đó, việc nghiên cứu định lượng thực trạng thụ hưởng văn hóa ở Việt Nam có ý nghĩa quan trọng nhằm làm rõ xu hướng, rào cản và cơ hội tiếp cận, tham gia văn hóa của các nhóm dân cư. Kết quả nghiên cứu nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho các giải pháp thu hẹp khoảng cách thụ hưởng văn hóa giữa các khu vực và nhóm xã hội, góp phần xây dựng xã hội phát triển toàn diện, bền vững.

Để thực hiện nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu đã dựa trên những lý luận và thực tiễn về đo lường và đánh giá thụ hưởng văn hóa, tiến hành khảo sát định lượng đối với 521 người dân từ 16 tuổi trở lên ở một số tỉnh, thành phố của Việt Nam đối với việc thụ hưởng văn hóa. Mục tiêu của nghiên cứu nhằm phác họa thực trạng thụ hưởng văn hóa của người dân ở các nhóm dân cư khác nhau, qua đó cung cấp cơ sở khoa học cho các giải pháp nâng cao đời sống văn hóa, công bằng trong thụ hưởng văn hóa ở Việt Nam.

2. Cơ sở lý luận về thụ hưởng văn hóa và đo lường thụ hưởng văn hóa

2.1. Khái niệm thụ hưởng văn hóa

Theo UNESCO (2009), thụ hưởng văn hóa không chỉ dừng lại ở việc tiếp cận các sản phẩm và dịch vụ văn hóa mà còn bao gồm quyền tham gia và sáng tạo văn hóa, coi đây là một phần của quyền con người. Quan điểm này nhấn mạnh rằng thụ hưởng văn hóa có mối liên hệ chặt chẽ với sự phát triển bền vững, bởi văn hóa không chỉ là một lĩnh vực độc lập mà còn là động lực thúc đẩy sự phát triển toàn diện của xã hội. Trong khi đó, Throsby (2001) tiếp cận thụ hưởng văn hóa như một quá trình có cả hai chiều: tiêu dùng và sáng tạo. Ông cho rằng, thụ hưởng văn hóa không chỉ thể hiện qua việc con người tiếp cận và sử dụng các sản phẩm văn hóa như sách, phim, âm nhạc,

nghệ thuật mà còn qua việc tham gia trực tiếp vào các hoạt động sáng tạo như sản xuất, trình diễn và biểu đạt nghệ thuật. Điều này phản ánh một mối quan hệ hai chiều giữa con người và văn hóa, trong đó mỗi cá nhân vừa có thể là người tiếp nhận, vừa có thể là người sáng tạo.

Tại Việt Nam, Phạm Hồng Tung (2021) đặt ra vấn đề phúc lợi văn hóa và xem việc đảm bảo phúc lợi văn hóa như nhu cầu thiết yếu, cơ bản. Ông cho rằng, trong văn hóa truyền thống của Việt Nam, thụ hưởng văn hóa là một nhu cầu tự thân và tất yếu của con người. Việc xem xét thụ hưởng văn hóa cần tính đến khoảng cách giữa quyền, nhu cầu thụ hưởng và năng lực thụ hưởng của người dân, sự lựa chọn văn hóa và sở thích cá nhân, giữa nhu cầu và điều kiện để thụ hưởng. Từ các quan điểm trên, có thể hiểu thụ hưởng văn hóa là một quá trình đa chiều, bao gồm việc tiếp cận, tham gia, trải nghiệm và sáng tạo trong các hoạt động văn hóa ở nhiều cấp độ khác nhau. Việc đảm bảo quyền thụ hưởng văn hóa không chỉ giúp mở rộng cơ hội tiếp cận văn hóa cho mọi người mà còn tạo điều kiện để văn hóa phát triển bền vững trong xã hội hiện đại.

2.2. Đo lường thụ hưởng văn hóa

Các nghiên cứu trong nước và quốc tế cho thấy phần lớn việc đo lường phát triển và thụ hưởng văn hóa dựa trên lý thuyết vốn văn hóa của Pierre Bourdieu - nhà xã hội học, triết học và nhân học Pháp có ảnh hưởng sâu rộng trong nghiên cứu văn hóa và bất bình đẳng xã hội. Theo Bourdieu (1984), thụ hưởng văn hóa phản ánh sự phân tầng xã hội, việc tiêu dùng văn hóa không chỉ biểu hiện sở thích cá nhân mà còn thể hiện vị thế xã hội. Những cá nhân sở hữu vốn văn hóa cao có xu hướng tiếp cận, tiêu dùng các sản phẩm văn hóa hàn lâm, cao cấp; ngược lại, những người có vốn văn hóa thấp chủ yếu tiêu dùng sản

phẩm văn hóa đại chúng, phổ thông. Như vậy, tiêu dùng văn hóa không đơn thuần phụ thuộc vào tài chính mà liên quan mật thiết đến vốn văn hóa của mỗi cá nhân.

Bên cạnh đó, các khung lý thuyết khác như phát triển bền vững và tiếp cận dựa trên quyền cũng được áp dụng trong đo lường phát triển văn hóa, đặc biệt qua các báo cáo của UNESCO. UNESCO (2009) coi văn hóa là một quyền cơ bản của con người, nhấn mạnh nhu cầu mở rộng quyền tiếp cận và bảo tồn di sản để đảm bảo mọi người đều có cơ hội tham gia, hưởng lợi từ văn hóa. Trên cơ sở đó, UNESCO xây dựng bộ chỉ số đánh giá thụ hưởng văn hóa, tập trung vào bốn nội dung: (1) thói quen tiêu dùng văn hóa - các hình thức tiếp cận như xem phim, đọc sách, tham quan bảo tàng, cùng tần suất tham gia; (2) tiêu dùng sản phẩm văn hóa - bao gồm sách, âm nhạc, phim, sản phẩm văn hóa kỹ thuật số; (3) tham gia hoạt động văn hóa cộng đồng - mức độ tham gia các sự kiện, dự án văn hóa tại địa phương; (4) phân tầng tiêu dùng văn hóa - mối quan hệ giữa tầng lớp xã hội và xu hướng tiêu dùng.

Trong nghiên cứu của Throsby (2001), thụ hưởng văn hóa được xem xét qua ba chiều chính: tiêu dùng văn hóa, tham gia hoạt động văn hóa và tác động đến cá nhân, cộng đồng. Throsby kết hợp phương pháp định lượng và định tính để đo lường. Các chỉ báo định lượng gồm tỷ lệ tham gia hoạt động văn hóa, chi tiêu cho văn hóa, tỷ lệ tiếp cận cơ sở văn hóa. Các chỉ số định tính tập trung vào mức độ hài lòng, sự hiểu biết về văn hóa, di sản và tác động của văn hóa đến phát triển cá nhân, giáo dục, sự gắn kết xã hội.

Dù thụ hưởng văn hóa được nhiều học giả nghiên cứu, nhưng đến nay vẫn chưa có bộ chỉ số quốc gia chuyên biệt, mà chủ yếu dựa trên thống kê về văn hóa và tham gia

văn hóa. Nghiên cứu của Courty và Zhang (2018) tại 13 thành phố của Trung Quốc (với 46.800 người) nhấn mạnh sự khác biệt trong thụ hưởng văn hóa hàn lâm và văn hóa đại chúng, đồng thời chỉ ra giáo dục và thu nhập là hai yếu tố chính ảnh hưởng đến mức độ tham gia. Kết quả này làm cơ sở đề xuất chính sách thúc đẩy tiếp cận văn hóa bình đẳng. EUROSTAT (2024) cũng định kỳ khảo sát, công bố dữ liệu tham gia văn hóa, tập trung vào tần suất, loại hình văn hóa hàn lâm - văn hóa đại chúng, hình thức tham gia (thụ động, chủ động/sáng tạo), cùng các yếu tố nhân khẩu, kinh tế - xã hội và tác động công nghệ đến tiếp cận, tham gia văn hóa.

Tóm lại, đo lường thụ hưởng văn hóa giữ vai trò then chốt trong việc hiểu rõ mức độ tiếp cận và tham gia của người dân vào đời sống văn hóa, từ đó hỗ trợ xây dựng chính sách văn hóa toàn diện, công bằng. Theo nhóm nghiên cứu, việc đo lường cần dựa trên ba chiều cạnh: tiêu dùng sản phẩm văn hóa, tham gia hoạt động văn hóa, và thực hành/sáng tạo văn hóa, đồng thời bao quát cả văn hóa đại chúng và văn hóa hàn lâm để phản ánh sự đa dạng trong nhu cầu và hành vi văn hóa của các nhóm xã hội. Không chỉ dừng ở các chỉ số định lượng (tần suất tham gia, chi tiêu, tỷ lệ tiếp cận), đo lường còn cần kết hợp các chỉ báo định tính như mức độ hài lòng, cảm nhận giá trị, tác động đến phát triển cá nhân và gắn kết cộng đồng. Cách tiếp cận tích hợp này cho phép phản ánh sâu sắc các chiều cạnh văn hóa trong đời sống xã hội, đồng thời làm rõ vai trò của văn hóa đối với phát triển bền vững và nâng cao chất lượng sống của người dân.

2.3. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng số liệu điều tra khảo sát về thụ hưởng văn hóa được thực hiện trong khuôn khổ nghiên cứu “Xây dựng Bộ chỉ số Phát triển văn hóa tinh thần

- đạo đức xã hội”, thuộc Chương trình Xây dựng Bộ chỉ số đảm bảo an sinh quốc gia của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Điều tra được thực hiện từ tháng 9 đến tháng 12/2024 dưới hình thức khảo sát bảng hỏi trực tiếp và trực tuyến (online).

Nội dung bảng hỏi bao gồm: thông tin nhân khẩu học (tuổi, dân tộc, giới tính, học vấn, địa bàn cư trú); và đo lường thụ hưởng văn hóa trong 12 tháng qua đối với các hoạt động văn hóa hàn lâm (đi thư viện, nhà sách; đi thăm triển lãm); văn hóa đại chúng (tham gia lễ hội, văn hóa nghệ thuật quần chúng; biểu diễn nghệ thuật quần chúng; xem phim tại rạp; xem các chương trình biểu diễn giải trí) và tự đánh giá mức độ hài lòng của cá nhân với thụ hưởng văn hóa (được đánh giá theo thang đo likert 5 mức độ).

Tổng số mẫu thu được là 521 phiếu, tập trung vào 4 địa bàn chính gồm Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Ninh Bình, Quảng Nam và một số tỉnh, thành phố khác. Thông tin nhân khẩu của người tham gia khảo sát như sau: thành thị (79,66%), nông thôn (20,34%); nam giới (38,79%), nữ giới (61,21%); nhóm dân tộc Kinh (87,76%), nhóm dân tộc thiểu số (12,24%); trình độ học vấn từ trung học phổ thông trở xuống (16,2%), cao đẳng và đại học (34,65%), sau đại học (49,15%); không làm việc (5,84%), làm việc khu vực nhà nước (42%), khu vực ngoài nhà nước (23,54%), sinh viên và học sinh (28,62%).

3. Thụ hưởng văn hóa ở Việt Nam

3.1. Khái quát thực trạng thụ hưởng văn hóa

Các hoạt động thụ hưởng văn hóa trong nghiên cứu được chia thành hai nhóm chính: *thụ hưởng văn hóa hàn lâm* (đi thư viện, nhà sách; đi thăm triển lãm) và *thụ hưởng văn hóa đại chúng* (hoạt động lễ hội văn hóa nghệ thuật quần chúng; biểu diễn

nghệ thuật quần chúng; xem phim tại rạp; xem các chương trình biểu diễn giải trí). Sự tham gia vào từng loại hình văn hóa phản ánh mức độ tiếp cận, sở thích và thói quen của cộng đồng.

Kết quả khảo sát cho thấy, văn hóa đại chúng có mức độ tiếp cận cao hơn văn hóa hàn lâm. Trong đó, việc tham gia thụ hưởng văn hóa các loại hình theo hai nhóm được phản ánh theo các điểm chính sau:

Đối với các hoạt động *văn hóa hàn lâm*: thụ hưởng văn hóa thông qua việc đi đến các triển lãm có sự tham gia thấp nhất, tiếp đó là đi thư viện hoặc các nhà sách. Cụ thể:

- Đi thư viện, nhà sách có 23,35% người tham gia từ 6 lần trở lên. Điều này có nghĩa là trung bình 2 tháng họ đi thư viện, nhà sách 1 lần. Đây cũng là hoạt động có tỷ lệ không tham gia thấp nhất trong nhóm này (38,98%), cho thấy một phần đáng kể dân số vẫn duy trì thói quen đọc sách hoặc tìm kiếm tài liệu tại thư viện. Ngoài ra, mức độ tham gia rải rác ở các nhóm khác nhau, với 7,72% chỉ tham gia 1 lần và 9,42% tham gia 3 lần, cho thấy có một số lượng người quan tâm nhưng chưa hình thành thói quen thường xuyên.

- Hoạt động triển lãm có tỷ lệ không tham gia cao nhất trong nhóm hàn lâm (60,45%). Điều này có nghĩa là phần lớn người trả lời chưa từng đến thăm các triển lãm trong 1 năm qua. Chỉ có 3,20% người tham gia trên 6 lần, trong khi phần lớn chỉ tham gia từ 1-2 lần (15,07% và 10,36%). Điều này cho thấy triển lãm chưa thực sự thu hút đông đảo công chúng, có thể do các rào cản về sở thích, nhận thức hoặc điều kiện tiếp cận. Đặc biệt khi mà các triển lãm chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Ca nhạc, kịch có tỷ lệ không tham gia là 52,73%, cao hơn so với thư viện,

nhà sách nhưng thấp hơn triển lãm tranh. Trong số những người tham gia, 4,71% tham gia trên 6 lần, còn lại phân bố rải rác từ 1-5 lần. Nhìn chung, đây là hoạt động có mức độ tham gia vừa phải, chưa thực sự phổ biến.

Đối với các hoạt động *văn hóa đại chúng*: lễ hội và các hoạt động văn hóa quần chúng có tỷ lệ tham gia cao nhất. Chỉ 26,55% người không tham gia, trong khi 10,92% tham gia trên 6 lần. Có nghĩa là ít nhất 2 tháng 1 lần những người này tham gia các hoạt động văn hóa quần chúng. Ngoài ra, tỷ lệ tham gia từ 2-3 lần cũng khá cao (21,66% và 13,75%), cho thấy đây là hoạt động có tính phổ cập rộng rãi và gắn liền với đời sống cộng đồng. Xem phim tại rạp cũng là hoạt động phổ biến, với 15,63% tham gia trên 6 lần, con số này chỉ đứng sau thư viện, nhà sách và lễ hội. Tuy nhiên, 44,26% không tham gia, cho thấy vẫn có một bộ phận không tiếp cận loại hình giải trí này, có thể do chi phí hoặc sở thích cá nhân.

So sánh sự tham gia thụ hưởng văn hóa đối với hai nhóm hàn lâm và đại chúng cho thấy, mặc dù văn hóa hàn lâm ít được tiếp cận hơn, nhưng những người tham gia có xu hướng duy trì thói quen thường xuyên, đặc biệt là đọc sách. Trong khi đó, văn hóa đại chúng dễ tiếp cận hơn, với mức độ tham gia cao hơn, đặc biệt là tham gia các lễ hội quần chúng và xem phim tại rạp.

Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của người dân về thụ hưởng văn hóa cho thấy ở mức trung bình, với 47,79% số người được khảo sát đánh giá ở mức “bình thường”. Điều này cho thấy, phần lớn người dân cảm thấy việc tiếp cận và tham gia các hoạt động văn hóa ở mức chấp nhận được nhưng chưa thực sự nổi bật. Nhóm “hài lòng” (mức 4) chiếm 27,83%, trong khi chỉ có 6,53% cảm thấy “rất hài lòng”, cho thấy các dịch vụ

văn hóa chưa thực sự đạt đến mức xuất sắc hoặc chưa đáp ứng được kỳ vọng cao của cộng đồng. Ở chiều ngược lại, tỷ lệ không hài lòng (mức 1 và 2) lên tới 17,85%, phản ánh một bộ phận dân cư gặp khó khăn hoặc chưa cảm thấy được thụ hưởng đầy đủ các giá trị văn hóa. Nhìn chung, kết quả này cho thấy nhu cầu nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các hoạt động văn hóa là rất cần thiết, đồng thời cần có những biện pháp cải thiện khả năng tiếp cận nhằm giảm tỷ lệ không hài lòng và nâng cao trải nghiệm văn hóa cho người dân.

3.2. Sự khác biệt trong thụ hưởng văn hóa giữa các nhóm dân cư

Sự khác biệt trong thụ hưởng văn hóa cũng được ghi nhận giữa các nhóm dân cư theo khu vực sinh sống, dân tộc, độ tuổi và nghề nghiệp nhưng không được tìm thấy theo giới tính.

Rõ ràng mức độ thụ hưởng văn hóa là khác biệt giữa người dân sống ở khu vực thành thị và nông thôn. Theo đó, ở tất cả các hoạt động văn hóa, tỷ lệ người tham gia, thụ hưởng ở khu vực thành thị luôn cao hơn so với khu vực nông thôn. Trong khi mức độ tham gia của người dân ở nông thôn chủ yếu tập trung ở mức không tham gia hoặc tham gia thấp, thì ở khu vực thành thị có sự phân bố đồng đều hơn giữa các mức độ tham gia.

Trong số các hoạt động thụ hưởng văn hóa được đánh giá, sự khác biệt đáng kể giữa thành thị và nông thôn được tìm thấy đối với 2 hoạt động liên quan đến thụ hưởng văn hóa hàn lâm (đi thăm triển lãm, đi thư viện, nhà sách), 2 hoạt động liên quan đến thụ hưởng văn hóa đại chúng (tham gia lễ hội, văn hóa nghệ thuật quần chúng và xem phim tại rạp). Cụ thể, có đến 76% người tham gia sinh sống ở khu vực nông thôn không đến các triển lãm, trong khi con số này ở khu vực thành thị là 56,5%. Các hoạt

động khác như xem biểu diễn ca nhạc, xem biểu diễn nghệ thuật truyền thống không có sự khác biệt giữa hai khu vực.

Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự khác biệt trong thụ hưởng văn hóa giữa nhóm dân tộc Kinh và nhóm các dân tộc thiểu số. Theo đó, tỷ lệ tham gia của nhóm dân tộc thiểu số cao hơn người Kinh ở hầu hết các hoạt động tham gia và thụ hưởng văn hóa được đánh giá. Đặc biệt, trong hoạt động xem biểu diễn nghệ thuật quần chúng, có đến 62,66% người Kinh tham gia khảo sát chưa từng tham gia hoạt động này trong năm, con số này ở nhóm dân tộc thiểu số chỉ là 32,31%. Sự khác biệt này ở hoạt động trải nghiệm các hoạt động nghệ thuật quần chúng là ít nhất giữa 2 nhóm. Trong khi chỉ có 10,77% nhóm dân tộc thiểu số không tham gia, thì vẫn có đến 28,76% nhóm người Kinh không tham gia hoạt động này. Mặc dù vậy, sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê đối với các hoạt động đi thư viện, nhà sách, thăm triển lãm và đi xem phim tại rạp. Kết quả này có thể là do tính đại diện trong mẫu, khi mà có đến gần 80% người tham gia khảo sát ở thành thị, gần 84% người tham gia có trình độ học vấn từ cao đẳng trở lên. Những lý giải này được củng cố thêm ở kết quả so sánh thụ hưởng văn hóa giữa các nhóm theo trình độ học vấn.

Theo trình độ học vấn, kết quả khảo sát cho thấy xu hướng người có trình độ học vấn cao hơn thường tham gia nhiều hơn vào các hoạt động thụ hưởng văn hóa. Cụ thể, nhóm có trình độ sau đại học tham gia nhiều hơn so với nhóm có trình độ cao đẳng, đại học và nhóm này cao hơn nhóm hoàn thành chương trình trung học phổ thông hoặc thấp hơn. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với hầu hết các hoạt động đo lường, đặc biệt là đối với hoạt động đi thư viện, nhà sách và đi xem phim tại rạp, trong khi đó hoạt động đi xem biểu diễn nghệ thuật truyền

thông không có sự khác biệt giữa các nhóm trình độ học vấn. Tuy vậy, những xu hướng này có thể không phản ánh đúng thực tế thụ hưởng văn hóa giữa các nhóm học vấn khi mà phần lớn người tham gia có trình độ học vấn từ đại học trở lên, chiếm gần 50% tổng số mẫu khảo sát.

Nghiên cứu cũng cho thấy có sự khác biệt về thụ hưởng văn hóa giữa các nhóm nghề nghiệp. Cụ thể: nhóm làm trong khu vực công tham gia nhiều nhất vào các hoạt động văn hóa - nghệ thuật, đặc biệt là nghệ thuật truyền thống, lễ hội, triển lãm; sinh viên/học sinh có xu hướng tham gia cao hơn khi mức độ hoạt động tăng, đặc biệt với đi rạp phim, xem chương trình biểu diễn và triển lãm; nhóm ngoài khu vực công có tỷ lệ tham gia thấp hơn, trừ một số hoạt động phổ biến như xem phim tại rạp; nhóm không làm việc có tỷ lệ tham gia rất thấp trong hầu hết các hoạt động.

Về thụ hưởng văn hóa theo các nhóm tuổi, kết quả khảo sát cho thấy độ tuổi có ảnh hưởng đáng kể đến mức độ tham gia thụ hưởng văn hóa. Trong đó, nhóm người trẻ (dưới 25 tuổi) có xu hướng tham gia nhiều ở các hoạt động văn hóa phổ biến. Tỷ lệ tham gia của nhóm này trong các hoạt động như đi thư viện, đi triển lãm và xem biểu diễn nghệ thuật quần chúng cao hơn đáng kể so với các nhóm lớn tuổi. Nhóm từ 25-40 tuổi mặc dù chiếm 30,32% mẫu nhưng tỷ lệ tham gia ở mức cao có xu hướng giảm so với nhóm trẻ. Việc tham gia vào hoạt động lễ hội, văn hóa nghệ thuật quần chúng có tỷ lệ đáng kể nhưng không nổi bật. Nhóm trung niên từ 41-60 tuổi chiếm 29,38% tổng mẫu có mức độ tham gia trung bình thấp. Tuy vậy, đối với hoạt động đi xem biểu diễn ca nhạc, họ tham gia tương đối ổn định. Nhóm từ 60 tuổi trở lên cho thấy xu hướng thụ hưởng văn hóa và số lần tham gia giảm nhưng ở một số hoạt

động như khiêu vũ và xem biểu diễn nghệ thuật còn duy trì với tỷ lệ cao.

Về sự khác biệt giới trong thụ hưởng văn hóa, kết quả kiểm định cho thấy mặc dù có sự chênh lệch nhỏ giữa nam giới và nữ giới trong các hoạt động thụ hưởng văn hóa nhưng những khác biệt có ý nghĩa thống kê.

4. Thảo luận và kết luận

Nghiên cứu cho thấy mức độ tham gia thụ hưởng văn hóa tại Việt Nam tương đối cao, đặc biệt trong nhóm văn hóa đại chúng và ở những người có trình độ học vấn cao. Khoảng 75% người tham gia từng trải nghiệm ít nhất một hoạt động văn hóa, nghệ thuật quần chúng trong năm; hơn 55% đã xem phim tại rạp ít nhất 1 lần/năm. Đây là tỷ lệ đáng khích lệ đối với một quốc gia đang phát triển, có thu nhập trung bình và hệ thống thiết chế văn hóa còn hạn chế cả về số lượng lẫn chất lượng (Nguyễn Huy Phòng, Tạ Thị Oanh, 2024). Theo Hiệp hội Phát hành phim Việt Nam, đến cuối năm 2023, Việt Nam có khoảng 1.100 rạp chiếu phim với hơn 6.000 phòng chiếu, tập trung chủ yếu ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh, thành lớn (Dẫn theo: Liên Thượng, 2025). So sánh quốc tế, tỷ lệ tham gia văn hóa tại châu Âu năm 2022 đạt khoảng 50% (EUROSTAT, 2024) cho thấy mức độ tham gia của Việt Nam tương đối tích cực trong điều kiện hiện tại.

Mức độ hài lòng về thụ hưởng văn hóa chủ yếu ở mức trung bình, gần 50% đánh giá “bình thường” và chỉ 6,53% “rất hài lòng”. Kết quả này cho thấy còn dư địa đáng kể để nâng cao chất lượng và sự đa dạng của các hoạt động văn hóa, nhằm cải thiện sự hài lòng của cộng đồng.

Một phát hiện quan trọng là sự khác biệt rõ rệt về mức độ tham gia giữa các loại hình văn hóa và giữa các nhóm dân cư. Văn hóa đại chúng có mức tiếp cận cao hơn văn

hóa hàn lâm; các hoạt động như lễ hội, xem phim rạp thu hút nhiều người hơn so với triển lãm hoặc thư viện - những hoạt động có tỷ lệ không tham gia cao, phản ánh hạn chế trong tiếp cận hoặc mức độ quan tâm.

Sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn cũng đáng kể, với mức độ tham gia cao hơn tại thành thị. Nguyên nhân có thể đến từ khác biệt thu nhập, trình độ dân trí, mức sống hoặc thiếu hụt thiết chế văn hóa tại nông thôn. Nghiên cứu ở 26 quốc gia châu Âu cho thấy chênh lệch giữa thành thị và nông thôn không lớn, ví dụ Malta chỉ 5 điểm phần trăm, Bỉ và Hà Lan 6 điểm phần trăm (EUROSTAT, 2024). Trong khi đó, Courty và Zhang (2018) ghi nhận tỷ lệ tham gia văn hóa đại chúng ở các thành phố Trung Quốc đạt 94%, nhưng không phân biệt loại hình hoạt động và chỉ tập trung tại các đô thị lớn.

Ngoài ra, trình độ học vấn, độ tuổi, nghề nghiệp cũng ảnh hưởng đáng kể. Người có học vấn cao tham gia nhiều hơn, đặc biệt ở các hoạt động văn hóa hàn lâm. Người trẻ dưới 25 tuổi tích cực tham gia các hoạt động phổ biến như xem phim, đi thư viện; nhóm trung niên và cao tuổi có xu hướng tham gia hạn chế hơn. Điều này phù hợp với xu hướng quốc tế.

Đáng chú ý, nhóm người dân tộc thiểu số có tỷ lệ tham gia cao hơn trong các hoạt động văn hóa nghệ thuật quần chúng và trình diễn nghệ thuật truyền thống, trái ngược với một số nghiên cứu trước. Điều này có thể do bản chất các hoạt động này diễn ra ngay tại cộng đồng dân tộc thiểu số, hoặc do đặc điểm mẫu nghiên cứu - với 84% có trình độ cao đẳng trở lên và 95% có việc làm, không phản ánh đầy đủ tình hình thực tế của nhóm này. Điều này cũng có thể lý giải cho việc không ghi nhận khác biệt giới trong thụ hưởng văn hóa, trong khi nghiên cứu tại châu Âu cho

thấy phụ nữ tham gia nhiều hơn nam giới (EUROSTAT, 2024).

Dù còn hạn chế về quy mô và tính đại diện mẫu, nghiên cứu này cung cấp bằng chứng quan trọng về thực trạng thụ hưởng văn hóa ở Việt Nam, làm rõ khác biệt giữa các nhóm dân cư và loại hình văn hóa. Kết quả này gợi mở nhu cầu xây dựng chính sách tăng khả năng tiếp cận, đa dạng hóa hoạt động và nâng cao chất lượng dịch vụ văn hóa, đặc biệt tại nông thôn và các nhóm có mức tham gia thấp. Việc thiết kế chương trình văn hóa phù hợp với từng nhóm đối tượng sẽ góp phần nâng cao trải nghiệm, sự hài lòng, và đóng góp cho mục tiêu chấn hưng văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân □

Tài liệu tham khảo

1. Bourdieu, P. (1984), *A social critique of the judgement of taste*, Traducido Del Francés Por R. Nice, Londres, Routledge.
2. Courty, P., Zhang, F. (2018), “Cultural participation in major Chinese cities”, *Journal of Cultural Economics*, <https://doi.org/10.1007/s10824-018-9319-3>
3. EUROSTAT (2024), *Culture statistics cultural participation*, Statistics Explained, https://ec.europa.eu/eurostat/statistics-explained/index.php?title=Culture_statistics
4. Phạm Thanh Giang, Lê Viết Cường (2024), “Xây dựng đời sống văn hóa vùng dân tộc thiểu số trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/11/21/xay-dung-doi-song-van-hoa-vung-dan-toc-thieu-so-trong-boi-can-hoi-nhap-quoc-te-o-nuoc-ta-hien-nay/>

(xem tiếp trang 28)